CHUYÊN MỤC

KHOA HỌC XÃ HỘI THẾ GIỚI

NHÂN HỌC VĂN HÓA: MỘT GÓC NHÌN ỨNG DỤNG

GARY FERRARO
SUSAN ANDREATTA
Người dịch: **NGUYỄN THỊ TRÚC BẠCH**

Nhân học văn hóa với tư cách là một phân nhánh của ngành nhân học (a branch of anthropology) để nghiên cứu, phát hiện những tương đồng và dị biệt ở bất kỳ nơi đâu, trong bất kỳ loại hình văn hóa nào. Nhân học văn hóa: Một góc nhìn ứng dụng (Cultural anthropology: An applied perspective)[(1)] *là một trong những công trình viết về nhân học/nhân học văn hóa mang đến tên tuổi cho giáo sư Gary Ferraro. Hơn một thập niên qua, cuốn sách còn được biết đến như một giáo trình dành cho sinh viên khoa Nhân học ở nhiều trường đại học của Mỹ. Bài dịch của chúng tôi tập trung vào chương 1 (tái bản lần thứ 8) với hai nội dung: 1/ Thư gởi các sinh viên (A letter to students) (trang 3). 2/ Nhân học văn hóa – Các nguyên lý hướng dẫn (Cultural anthropology – Guiding principles) (trang 15-17). Trong chương này Gary Ferraro đã đưa ra bốn nguyên lý hướng dẫn tiếp cận của ngành nhân học văn hóa, bao gồm: Chỉnh thể luận (Holism), Chủ nghĩa vị chủng (Ethnocentrism), Thuyết tương đối văn hóa (Cultural relativism), Cách tiếp cận: Trong cuộc hay ngoài cuộc (Emic versus Etic approaches).*

Gary Ferraro. Giáo sư. Giảng viên Trường Đại học North Carolina tại Charlotte, Hoa Kỳ.

Susan Andreatta. Tiến sĩ. Giảng viên Trường Đại học North Carolina tại Greensboro, Hoa Kỳ.

Nguyễn Thị Trúc Bạch. Thạc sĩ. Trung tâm Văn học và Ngôn ngữ học, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

Ferraro /Andreatta. *Cultural Anthropology*, 8E. © 2010 South - Western, a part of Cengage Learning, Inc. Reproduced by permission. www.cengage.com/permissions.

THƯ GỬI SINH VIÊN

Xin chào! Chào đón các bạn đến với giáo trình *Nhân học văn hóa: Một góc nhìn ứng dụng* bản in lần thứ 8. Chúng tôi rất tự hào về giáo trình này, cũng như về những điều khác biệt mà sách sẽ mang đến cho cuộc sống của các bạn sau khi đọc. Chắc chắn rằng, hầu hết các giáo trình nhân học văn hóa chủ yếu giới thiệu đến bạn đọc

nội dung bao quát về nhân học văn hóa. Tuy nhiên, giáo trình này với góc nhìn ứng dụng, vượt ra ngoài nội dung của bộ môn, sẽ đem đến cho các bạn những kết quả và phát hiện mới, lý thuyết, phương pháp và những phân tích chuyên sâu về nhân học văn hóa, sẽ hữu ích trong công việc chuyên môn, lẫn trong cuộc sống hằng ngày.

Nói cách khác, nghiên cứu nhân học văn hóa ngày càng vượt ra ngoài những nghiên cứu về tương đồng và dị biệt của hàng ngàn nền văn hóa khác biệt trên thế giới; và trong thế giới hội nhập mạnh mẽ như ngày nay, thì nghiên cứu này mang tính gắn kết hơn. Định hướng "ứng dụng" của công trình được minh họa (thông qua các ví dụ và bối cảnh riêng biệt) cho thấy việc hiểu những ý tưởng, cấu trúc hành vi của những nhóm người có nền văn hóa khác nhau, ở trong nước cũng như ngoài nước, sẽ giúp chúng ta đáp ứng tốt hơn nữa những mục tiêu của bản thân trong cuộc sống và công việc. Ngược lại, nếu chúng ta không thể nghiêm túc nhìn nhận môi trường văn hóa của chúng ta, có lẽ chúng ta sẽ gặp phải một vài nhầm lẫn văn hóa nghiêm trọng (serious cultural faux pas).

Định hướng ứng dụng của giáo trình này được đan kết trong mỗi chương thông qua 3 đặc trưng tiêu biểu: Mỗi chương mở ra những kịch bản thật của thế giới (chapter-opening real-world scenarios), đặc trưng "góc nhìn ứng dụng" ("Applied perspective" features) và những lỗi "xuyên văn hóa" ("cross – cultural miscues"). Trước hết, bắt đầu mỗi chương là một nghiên cứu giới thiệu trường hợp nhỏ cụ thể mang tính thực tế, không mang tính giả định và minh họa cho tầm quan trọng của việc hiểu những khái niệm cơ bản trong chương đó. Đặc trưng thứ 2, đặc trưng nhấn mạnh nhân học ứng dụng, là những hộp - góc nhìn ứng dụng. Những nghiên cứu trường hợp lớn hơn dựa trên nghiên cứu nhân học thực tế cho thấy cách sử dụng nhân học văn hóa để giải quyết những vấn đề xã hội cụ thể trong các công việc như y tế, nhà nước, kiến trúc, giáo dục, phát triển kinh tế và kinh doanh. Đặc trưng cuối cùng, những lỗi xuyên văn hóa, xuất hiện 2 lần trong mỗi chương (từ chương 2 đến chương 16), minh họa những hậu quả tiêu cực của việc không đánh giá đúng tầm quan trọng của khác biệt văn hóa trong giao tiếp hàng ngày của con người.

Chúng tôi viết thư này gửi các bạn ngay trong Chương 1 là để các bạn nhận thấy ngay từ đầu giáo trình này có 2 mục đích: (a) giới thiệu lĩnh vực cơ bản về nhân học văn hóa; và (b) cho thấy việc nhận thức các nền văn hóa xuyên biên giới có liên quan mật thiết như thế nào trong thế giới liên kết chặt chẽ với nhau ở thế kỷ XXI. Chúng tôi cũng muốn lưu ý các bạn là đặc trưng quan trọng trong mỗi chương cần phải được xem xét nghiêm túc, bởi vì nó nhắc chúng ta về những kiến thức văn hóa trong đời sống hàng ngày. Thật ra, đó là những ngữ cảnh có liên quan mật thiết đến

bạn, như những ví dụ mà các bạn có thể chia sẻ với ba mẹ và những người bạn của mình, vì họ là những người luôn đặt câu hỏi: Tại sao các bạn chọn học môn nhân học văn hóa? Bởi vì tất cả chúng ta đều sống trong những bối cảnh văn hóa khác nhau, trong bối cảnh đa văn hóa hoặc xuyên văn hóa – cho nên sự nhận thức về nhân học văn hóa vô cùng quan trọng, góp phần gặt hái những thành quả trong cuộc sống và công việc ở thế kỷ XXI.

Chúng tôi hy vọng rằng các bạn sẽ thấy thích thú và từ đó tìm tòi suy nghĩ thêm khi đọc về cuộc sống và công việc ở những nền văn hóa khác (ví dụ, đọc lỗi xuyên văn hóa đầu tiên trong Chương 4) hoặc về nhân học và nghiên cứu mới trong thế giới đang vận động phát triển (góc nhìn ứng dụng về công nghiệp điện thoại di động trong Chương 8). Qua đó, các bạn biết thêm về những ảnh hưởng thực tế mà văn hóa đem đến cho cuộc sống hàng ngày. Các bạn nhớ hãy chú ý đến biểu tượng SWAP “Share With A Parent (or a friend)” - “Hãy chia sẻ với cha mẹ (hoặc bạn bè)” xuất hiện bên cạnh những nghiên cứu trường hợp xuyên suốt giáo trình này. Chúng sẽ giúp các bạn trả lời những câu hỏi và nhận xét chưa thấu đáo của cha mẹ và bạn bè, về những điều các bạn có thể học được từ môn nhân học văn hóa.

NHÂN HỌC VĂN HÓA - CÁC NGUYÊN LÝ HƯỚNG DẪN

Nhân học văn hóa với tư cách là một phân nhánh của ngành nhân học, nghiên cứu - phát hiện những tương đồng và dị biệt ở bất kỳ nơi đâu, trong bất kỳ loại hình văn hóa nào.

Trong thế kỷ trước, ngành nhân học văn hóa đã tách biệt rõ rệt với những ngành học khác thuộc khoa học xã hội và nhân văn nhờ vào các nguyên lý hướng dẫn sau. Mặc dù, các ngành học khác đã áp dụng một trong số những nguyên lý chính này trong vài thập kỷ qua, nhưng những nguyên lý này vẫn mang tính chi phối/ trung tâm đối với ngành nhân học văn hóa.

Chỉnh thể luận (holism)

Một đặc điểm nổi bật của ngành nhân học là phương pháp tiếp cận mang tính tổng thể khi nghiên cứu các nhóm người. Chỉnh thể luận trong nhân học được kiểm chứng bằng nhiều cách quan trọng. Đầu tiên, phương pháp tiếp cận tổng thể bao hàm cả khía cạnh sinh học và xã hội học văn hóa của con người - đó là yếu tố di truyền cũng như những gì con người có được từ môi trường sống kể từ khi sinh ra đời. Thứ hai, ngành nhân học có khung thời gian dài nhất, từ thời kỳ sơ khai của loài người cách đây nhiều triệu năm cho đến nay. Thứ ba, ngành nhân học mang tính chỉnh thể theo mức độ là ngành này nghiên cứu nhiều nhóm người khác nhau ở bất kỳ nơi nào được phát hiện ra, từ người chăn cừu ở Châu Phi cho đến những công nhân Hàn Quốc. Và cuối cùng, ngành nhân học nghiên cứu nhiều khía cạnh về trải nghiệm của con người, từ cấu trúc gia đình, các quy tắc hôn nhân, xây dựng nhà cửa,

phương pháp giải quyết xung đột, cách duy trì sinh kế, niềm tin tôn giáo, ngôn ngữ, sử dụng không gian, và nghệ thuật.

Trong quá khứ, các nhà nhân học văn hóa đã rất nỗ lực để có được sự tiếp cận mang tính chỉnh thể bằng cách bao quát càng nhiều khía cạnh văn hóa càng tốt trong bối cảnh văn hóa chung. Tuy vậy, thời gian gần đây, những thông tin thu thập từ khắp nơi trên thế giới trở nên quá rộng lớn đến nỗi hầu hết các nhà nhân học cần phải có cái nhìn cụ thể và tập trung hơn. Đây gọi là phương pháp nghiên cứu dựa trên vấn đề (hướng đến vấn đề), ví dụ một nhà nhân học có thể tập trung vào những hình thái hôn nhân, trong khi nhà nhân học khác có thể tập trung nghiên cứu các hình thái nông trại và sử dụng đất. Nhưng cho dù có nghiên cứu tập trung, hay cụ thể hóa vấn đề, các nhà nhân học vẫn tiếp tục phân tích những phát hiện của mình trong bối cảnh văn hóa rộng lớn hơn. Hơn thế, khi tất cả các hướng nghiên cứu tập trung khác nhau của bộ môn nhân học được xem xét cùng nhau, kết quả sẽ thể hiện được cái nhìn toàn diện, tổng thể về con người.

Chỉnh thể luận (holism): là một quan điểm trong ngành nhân học, theo đó các nhà nghiên cứu nỗ lực tiếp cận văn hóa theo cách xem xét tất cả yếu tố cấu thành và cách thức các yếu tố này gắn kết với nhau.

Chủ nghĩa vị chủng (ethnocentrism)

Trong khi đợi băng qua đường ở Mumbai, Ấn Độ, một du khách người Mỹ đứng cạnh một người dân địa phương, sau đó người này đã hỉ mũi xuống đường mà không sử dụng khăn tay hay khăn giấy. Phản ứng ngay lúc đó và rất rõ ràng của du khách này là: thật kinh tởm! Anh ta đã phản ứng với hành vi của người Ấn Độ này theo chuẩn ứng xử văn hóa của chính mình: trong tình huống này lẽ ra nên sử dụng khăn tay. Nhưng nếu người Ấn Độ ở Mumbai đó nhìn thấy du khách người Mỹ hỉ mũi vào khăn tay, ông ta cũng sẽ phản ứng tương tự, cho rằng việc hỉ vào khăn tay và cho khăn tay đó vào túi mang đi khắp nơi cả ngày là một việc làm kỳ dị!

Cả người Mỹ và người Ấn Độ đã đánh giá hành vi của nhau căn cứ theo những chuẩn mực văn hóa, tập quán của chính quốc gia họ. Cách đánh giá dựa theo những chuẩn mực hành vi văn hóa khác nhau được biết đến như là *chủ nghĩa vị chủng*: người ta tin là văn hóa của họ cao hơn văn hóa của dân tộc khác. Nói cách khác, văn hóa của các dân tộc khác được nhìn nhận, đánh giá qua lăng kính văn hóa hẹp của cá nhân.

Các minh họa điển hình cho chủ nghĩa vị chủng trong văn hóa còn rất nhiều. Ví dụ chúng ta có thể nhận thấy chủ nghĩa vị chủng trong cách lý giải lịch sử về cuộc chiến cách mạng Mỹ từ những nhà sử học người Mỹ và người Anh. Theo các nhà sử học Mỹ thì George Washington là một vị anh hùng trong thiên hùng ca dân tộc. Ông ấy đã lãnh đạo Quân đội Lục địa một cách thành công chống lại đội quân áo

đỏ (quân Anh) đông hơn và được trang bị tốt hơn. Ông ấy đã ném một đồng xu qua sông Potomac và ông ấy là một người vô cùng chân thật đến độ đã tự thú vì đốn ngã một cây cherry. Đúng là một người đàn ông tuyệt vời! Tuy vậy, dưới cái nhìn của các nhà sử học người Anh, George Washington là một tên tội phạm và côn đồ. Nhiều lính dưới trướng Washington là hậu duệ của những tên vay nợ hoặc tội nhân mà bọn chúng không thể sinh tồn nổi ở nước Anh. Hơn thế nữa, Washington đã không chiến đấu một cách công bằng. Trong khi quân đội Anh quốc đã rất quân tử trong chiến tranh (ví dụ như họ đứng trên những cánh đồng rộng mở, mặc áo choàng đỏ, để bắn kẻ thù), thì quân đội của Washington lại ẩn nấp chung quanh để mai phục quân Anh. Mặc dù đang miêu tả cùng một chuỗi các sự kiện lịch sử nhưng quan điểm văn hóa lệch nhau đã khiến các nhà lịch sử Mỹ và Anh có sự diễn giải rất khác nhau.

Vào năm 2005, Todd Pruzan đã xuất bản bộ tài liệu biên soạn về các tác phẩm của nhà văn du hành người Anh thế kỷ XIX, bà Favell Lee Mortimer. Bộ sách phản chiếu cách nhìn khắc nghiệt và đầy thành kiến. Sách có tựa đề là *Những người vụng về nhất Châu Âu* (The Clumsiest People in Europe) và có lẽ đây là ví dụ điển hình nhất cho chủ nghĩa vị chủng. Mặc dù, trên thực tế tác giả chỉ đến Châu Âu hai lần thuở nhỏ, bà Mortimer hầu như không thấy được điều gì văn minh để kể về người ngoại quốc, và luôn hoài nghi họ vốn đã được khai hóa hay còn mọi rợ. Dân Tây Ban Nha thì "độc ác, sưng sỉa và đầy hận thù", dân xứ Wales không được sạch sẽ cho lắm, còn dân Bỉ lại sùng bái Công giáo La Mã. Thậm chí, càng đi xa quê nhà, bà Mortimer càng trở nên khó chịu hơn. Dân Thổ Nhĩ Kỳ thì tin vào một lão tiên tri giả dối (Muhammed), tác giả của bộ sách (*Kinh Koran*) tràn ngập những lời dối trá khủng khiếp và câu chuyện ngu xuẩn, dân Afganistan độc ác, tham lam và gian trá; còn dân đến từ thuộc địa Bechuanaland ở Tây Nam Phi, mặc dù bôi mỡ cừu khắp người nhưng lại hoàn toàn trơ tráo chế nhạo phong tục của các giống dân khác với suy nghĩ dân tộc họ là thượng đẳng. Dù được biên soạn cách đây hơn 150 năm, cuốn sách này vẫn chứa nhiều điều đáng suy ngẫm dành cho chúng ta hôm nay. Khi các quốc gia phương Tây như Mỹ hòa nhập nhiều hơn vào nền kinh tế toàn cầu thì dường như hội chứng chống ngoại (hội chứng sợ những thứ lạ lẫm) cũng đồng thời tăng cao. Trong khi có thể dễ dàng khiếp sợ chủ nghĩa vị chủng giữa thế kỷ XIX của bà Mortimer, thì việc thường xuyên nghe hay đọc những cảm nhận tương tự như thế từ người trong chính xã hội của mình sẽ mang lại cảm giác thế nào?

Có thể hiểu được tại sao chủ nghĩa vị chủng lại phổ biến khắp thế giới như vậy. Bởi vì phần lớn mọi người được nuôi dưỡng trong một nền văn hóa riêng lẻ và không có nhiều cơ hội biết đến các nền văn hóa khác; cho nên, những ứng xử quen thuộc như giá trị, thái độ, suy nghĩ và hành xử của

chính họ, mặc nhiên được họ xác tín là những chuẩn mực văn hóa. Nhưng cho dù là chủ nghĩa vị chủng hiện diện trong tất cả các nền văn hóa, nó chưa bao giờ là trở ngại chính đối với việc hiểu biết các nền văn hóa khác, điều mà suy cho cùng là mục tiêu nghiên cứu của ngành nhân học văn hóa. Mặc dù không thể triệt tiêu hoàn toàn chủ nghĩa vị chủng, chúng ta có thể giảm thiểu nó. Bằng cách tăng cường ý thức về chủ nghĩa vị chủng của chính mình, chúng ta có thể tạm thời đặt sang một bên các phán xét dựa trên giá trị chuẩn mực riêng của mình để có thể biết được cách thức vận động của các nền văn hóa khác.

Thuyết tương đối văn hóa (cultural relativism)

Từ đầu thế kỷ XX, ngành nhân học đã dẫn đầu trong phong trào chống lại những hiểm họa của chủ nghĩa vị chủng. Khi bắt đầu tiến hành nghiên cứu thực nghiệm về các nền văn hóa khác nhau trên thế giới, các nhà nhân học văn hóa nhận ra cần có các mô tả khách quan và không cảm tính về con người mà họ đang nghiên cứu. Dưới sự dẫn dắt của Franz Boas ở Mỹ và Bronislaw Malinowski ở Anh, các nhà nhân học thế kỷ XX đã nỗ lực ngăn chặn cách nhìn nhận, đánh giá theo lăng kính văn hóa mang tính chủ kiến, bóp méo các hồ sơ mô tả về đối tượng con người.

Theo nhà nhân học Boas, cha đẻ của ngành nhân học hiện đại ở Mỹ, các nhà nhân học có thể đạt được cấp độ tách biệt thông qua luyện tập *thuyết tương đối văn hóa*.

Thuyết tương đối văn hóa: Mang hàm nghĩa rằng các đặc điểm văn hóa được hiểu theo cách tốt nhất, khi được xem xét trong một bối cảnh văn hóa cụ thể chứa đựng các đặc điểm văn hóa đó.

Khái niệm này phản ánh bất kỳ bộ phận nào cấu thành nên văn hóa (ví như ý tưởng, sự vật, khái niệm, hành vi) phải được nhìn nhận theo bối cảnh văn hóa phù hợp của nó, hơn là nhìn nhận từ góc độ văn hóa của người quan sát/ nghiên cứu văn hóa. Thay vì hỏi: Làm thế nào việc này phù hợp với văn hóa của tôi? Thì các nhà nghiên cứu theo thuyết tương đối văn hóa sẽ hỏi: Làm thế nào sự việc đó phù hợp với cả hệ thống văn hóa mà nó là một bộ phận cấu thành? Ý thức này được Boas giới thiệu đầu tiên và sau đó được phát triển bởi một trong những học trò của ông là Melville Herskovits (1972). Thuyết tương đối văn hóa đã phủ nhận khái niệm cho rằng bất kỳ nền văn hóa nào, kể cả nền văn hóa của chúng ta, chứa đựng những tiêu chuẩn tuyệt đối và căn cứ vào đó để đánh giá những nền văn hóa khác. Tính tương đối trong văn hóa là một công cụ nhận thức, giúp chúng ta hiểu tại sao con người suy nghĩ và hành động như vậy.

Một ví dụ cụ thể về tính tương đối trong văn hóa sẽ giúp chúng ta làm rõ hơn về khái niệm này. Trong những năm qua, các nhà nhân học đã miêu tả nhiều tập quán văn hóa khắp nơi trên thế giới, mà những tập quán này đối với người phương Tây là vô đạo đức, đáng bị lên án. Ví dụ, người Dani

của miền Tây New Guinea có phong tục cắt một ngón tay của người phụ nữ là người thân của người đàn ông qua đời, người Kikuyu của nước Kenya có tục cắt một phần bộ phận sinh dục của thiếu nữ để kìm nén dục vọng của họ và người Dodoth ở Uganda hạ thấp hàm răng trước của thiếu nữ để trông hấp dẫn hơn. Một vài nhóm người Inuit có tục lệ, mà theo những người phương Tây là vô cùng vô nhân đạo: khi cha mẹ quá già yếu không thể làm việc thì con cái sẽ mang họ bỏ bên ngoài nhà trong thời tiết lạnh cho đến chết. Nếu đánh giá việc này theo các chuẩn mực của văn hóa phương Tây (có nghĩa là theo thuyết vị chủng), chúng ta sẽ cho rằng việc này là quá tàn nhẫn và vô nhân đạo, không thể chấp nhận được khi đối xử với người đã mang chúng ta đến thế giới này như vậy. Tuy nhiên, các nhà nhân học nhìn nhận hành động giết người này trong bối cảnh văn hóa tổng thể của chúng. John Friedl và John Pfeiffer đã có sự lý giải mang tính tương đối văn hóa về phong tục này: vấn đề quan trọng là phải hiểu được đây là phong tục mà các thành viên trong nhóm người đó đã chấp nhận trong cuộc đời họ, không phải là như kiểu đối xử vô nhân tính của một cá nhân nào đó xuất phát từ âm mưu phạm tội. Cuối cùng, hành động này cũng cần được xem xét khi nghĩ đến điều kiện sinh thái mà người Eskimo sống. Để duy trì cuộc sống ở Bắc Cực là vô cùng khó khăn và việc nuôi thêm một miệng ăn, đặc biệt, trong hoàn cảnh người đó không còn khả năng mưu sinh, sẽ khiến cả bộ tộc bị ảnh hưởng. Vấn đề không phải là do người Eskimos không quan tâm chăm sóc người già, mà do họ cần phải làm điều tốt nhất cho cả bộ tộc. Chúng ta sẽ không mong đợi - và thật ra chúng ta sẽ không thể tìm thấy - phong tục kiểu như vậy tồn tại ở nơi có đủ thực phẩm cho cả những người không đủ sức săn bắn (Friedl, John & John E. Pfeiffer. 1977. *Anthropology: The study of people*. New York: Harper & Row).

Đối với Boas, thuyết tương đối văn hóa mang tính bắt buộc về mặt đạo đức cũng như là một phương pháp chiến lược trong việc tìm hiểu các nền văn hóa. Trong thời kỳ này, Boas đã cực lực lên án những phương pháp cực đoan và đầy tính chất định kiến, hướng đến xác lập cho nhân học một vị thế khoa học. Và có lẽ Boas đã quá nhấn mạnh tầm quan trọng của thuyết tương đối văn hóa.

Nếu thuyết tương đối văn hóa được vận dụng theo lập luận cực đoan, ta sẽ có hai tình huống không thể lý giải. Một là, theo góc nhìn phương pháp học, mỗi xã hội là một thực thể riêng biệt chỉ có thể đánh giá theo các tiêu chuẩn riêng của nó, dẫn đến việc so sánh giữa những nền văn hóa gần như là điều bất hợp lý. Tuy nhiên, rõ ràng là khi những nhà nhân học nghiên cứu về văn hóa với mục đích cuối cùng là mô tả và so sánh một cách khoa học những nền văn hóa trên thế giới, họ nhất định cần có những cơ sở để tiến hành so sánh.

Một vấn đề khó khăn khác khi áp dụng một cách máy móc thuyết tương đối văn hóa là từ góc độ đạo đức. Chúng ta sẽ chấp nhận một thực tế rằng không có bất cứ hành vi nào là phi đạo đức, căn cứ vào việc những người có hành vi đó cùng thống nhất rằng nó không trái với đạo đức hoặc nó hướng đến lợi ích của xã hội. Quan điểm của thuyết tương đối văn hóa không yêu cầu phải nhìn nhận các loại văn hóa là tương đương nhau về mặt đạo lý, tức không phải tất cả các nền văn hóa đều có giá trị ngang nhau về sự khoan dung hay sự tôn trọng. Ví dụ một số nét văn hóa (như diệt chủng) không thể được dung thứ nếu xét trên khía cạnh đạo lý trong bất cứ bối cảnh nào. Mặc dù vậy, để hiểu được hành vi rất đa dạng của con người, thuyết tương đối văn hóa có thể giúp tìm được những lý giải xuất phát từ ý thức hệ và phong tục nhất định. Đôi khi những nhà nghiên cứu nhân học văn hóa bị phê phán là thiếu chính kiến về những phong tục mà họ đang nghiên cứu, nhưng Richard Barrette cho rằng: việc những nhà nhân học có xu hướng tán thành mạnh mẽ đối với những nền văn hóa, thậm chí lý tưởng chúng không đáng lo ngại bằng nguy cơ họ mô tả sai lệch những nền văn hóa qua lăng kính chủ kiến của mình.

Cách tiếp cận: người trong cuộc (emic view) hay người ngoài cuộc (etic view)

Một đặc tính khác của nhân học khác biệt so với những môn khoa học xã hội khác là sự tập trung vào góc nhìn từ bên trong đối với các nền văn hóa. Nhiều năm qua các nhà nhân học đã tách biệt giữa hai quan điểm tiếp cận: tiếp cận trong cuộc (Emic approach) hay tiếp cận ngoài cuộc (Etic approach), mượn khái niệm từ ngôn ngữ học. Tiếp cận của người trong cuộc (emic – lấy từ 'phonemic') có ý nghĩa là góc nhìn từ bên trong, nhằm mô tả một nền văn hóa qua những phân loại, khái niệm và nhận thức của chính nền văn hóa đang được nghiên cứu. Ngược lại, cách tiếp cận của người ngoài cuộc (etic – lấy từ phonetic) là góc nhìn từ bên ngoài, sử dụng cách phân loại và khái niệm riêng của bản thân người nghiên cứu để mô tả, phân tích về những nền văn hóa khác. Gần nửa thế kỷ, đã có nhiều tranh luận giữa những nhà nhân học về giá trị của hai cách tiếp cận này trong việc nghiên cứu những nền văn hóa khác nhau.

Một cuộc tiếp cận với tư cách người trong cuộc được thực hiện nghiêm túc bởi các nhà nhân học Mỹ (dân tộc học) trong những năm 1950 - 1960. Mong muốn tìm được những kiến thức có giá trị hơn về những nền văn hóa khác, các nhà dân tộc học nhấn mạnh vào cách tiếp cận từ quan điểm người trong cuộc. Gần đây hơn, trường phái nghiên cứu diễn giải về nhân học văn hóa đã ủng hộ mạnh mẽ cách tiếp cận của người trong cuộc khi áp dụng vào nghiên cứu. Đại diện của trường phái này là Clifford Geertz và một số đồng nghiệp. Họ cho rằng hành vi của con người là sự phản ánh quá trình nhận thức và phân loại thế giới xung quanh, cách duy nhất để

nghiên cứu và mô tả văn hóa là phải tiếp cận từ bên trong. Đi ngược lại với những luận điểm trên là những nhà nghiên cứu văn hóa vật chất, đại diện bởi Marvin Harris. Bắt nguồn từ tiền đề vật chất quyết định ý thức và hành vi (không phải ngược lại), những nhà nghiên cứu văn hóa vật chất tập trung vào góc nhìn của những nhà nghiên cứu thay vì mang cách thế của người trong cuộc. Chưa có sự thống nhất rõ ràng về vấn đề này, mỗi nhà nhân học phải tự quyết định chọn cách tiếp cận phù hợp, mang lại hiệu quả khoa học cao nhất khi thực hiện nghiên cứu văn hóa. ❑

CHÚ THÍCH

(1) Nguyên bản: Gary Ferraro, Susan Andreatta. 2010. *Cultural anthropology: An applied perspective* (tái bản lần thứ 8). Wadsworth Publishing Co InC, USA. 484 trang.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

Trong bản dịch này chúng tôi không đưa vào các tài liệu trích dẫn của cuốn sách. Để tìm hiểu thêm về phần này, xin đọc nguyên bản: Gary Ferraro, Susan Andreatta. 2010. *Cultural anthropology: An applied perspective* (tái bản lần thứ 8). Wadsworth Publishing Co InC, USA.